

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

QUYẾT CHÍ LÀM CÁCH MẠNG CHO ĐẾN NƠI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HÙNG HẬU (*)

Luận giải cơ sở hình thành, nội dung tư tưởng và ý chí quyết làm cách mạng cho đến nơi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả bài viết đã đi đến kết luận: Với Hồ Chí Minh, làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng thổ địa để đi tới xã hội cộng sản, giải phóng nhân dân lao động và đưa họ trở thành người chủ thực sự của nước nhà - đó là lôgic tất yếu của cách mạng Việt Nam, đó cũng là tư tưởng cách mạng triệt để, là đóng góp sáng tạo và ý chí quyết tâm làm cách mạng đến nơi của Hồ Chí Minh.

Khi đất nước có giặc ngoại xâm, các anh hùng dân tộc đã phát cao cờ chính nghĩa, tập hợp toàn dân đánh đuổi quân xâm lược, cứu muôn dân ra khỏi cái khổ nạn ngoại xâm. Điều này thể hiện rõ ở Lý Bí, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Quang Trung,... Sau khi đánh tan quân xâm lược, hoà bình trở lại trên quê hương, đất nước, các nhà nước phong kiến trước kia đã làm những việc tiếp theo, như ổn định xã hội, ban hành chính sách giảm thuế, kích thích sản xuất; mặt khác, ra sức phát triển văn hoá, giáo dục, đưa ra một số tiêu chí đạo đức, pháp luật thống nhất làm khuôn mẫu cho mọi người. Trần Quốc Tuấn cho rằng, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước. Trong cuộc kháng chiến chống Minh cũng như khi đất nước đã thanh bình, Lê Lợi đã đưa ra những chính sách sử dụng hiền tài nhằm phát

triển đất nước. Sau khi đại phá quân Thanh, Quang Trung bắt tay xây dựng đất nước theo đường lối "quốc phú, binh cường, nội ngoại yên tĩnh". Ông hạ chiếu khuyến nông, có chính sách khuyến khích để dân giàu, bắt những người phiêu tán trở về quê quán khai khẩn ruộng hoang, đề nghị nhà Thanh mở cửa ải, thông chợ búa. Ông còn hạ chiếu lập nhà học ở các xã, phủ, huyện; ban chiếu cầu người hiền tài. Ông rất quan tâm đến xây dựng lực lượng vũ trang, đưa chữ Nôm thành chữ viết chính thức của quốc gia. Tất cả những chính sách đó phần nào làm vơi đi nỗi khổ của người dân.

Tuy nhiên, có một sự thực mà chúng ta cần phải nhận thấy, đó là khi mất nước, chúng ta phải hứng chịu nỗi thống khổ của kẻ làm nô lệ. Điều này

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

dân tộc Việt Nam thấu hiểu hơn bất cứ dân tộc nào trên thế giới và chúng ta quyết không chấp nhận, trước sau, sớm muộn cũng phải đánh đuổi quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Nhưng khi đã đuổi được bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi, đất nước trở lại thanh bình thì liệu người dân đã hết khổ chưa? Nỗi khổ con người thật vô cùng đa dạng, trong đó nỗi khổ của người dân mất nước là số một, bao trùm đối với dân tộc Việt Nam. Nhưng, ngoài nỗi khổ lớn nhất này, người dân còn nhiều nỗi khổ khác. Điều này các vua thời Lý - Trần đã phần nào nhận ra. Bởi vậy, họ không chỉ muốn cứu muôn dân thoát khỏi nỗi khổ của kiếp nô lệ, mất nước, mà còn muốn cứu dân thoát khỏi nỗi khổ trần tục hàng ngày, như sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, những nỗi khổ cơ bản mà Phật giáo có đề cập đến. Trong tám nỗi khổ đó, ta không thấy có nỗi khổ do giặc ngoại xâm gây nên, mặc dù Phật giáo có nói đến nỗi khổ do giặc ác. Nói giặc ác một cách chung chung như vậy, người ta có thể hiểu là giặc gian ác, bọn cướp đường ác, giặc ngoại xâm hung ác,... tóm lại, nỗi khổ do giặc ngoại xâm gây nên mà Phật giáo nói đến rất mờ nhạt, trong khi đó, nỗi khổ này lại luôn thường trực với dân tộc ta. Những nỗi khổ mà Phật giáo nêu ra đều là những nỗi khổ mặc nhiên trong đời thường của mỗi con người; bởi lẽ, con người sinh ra là có thân, có tâm và nếu có thân và tâm thì đương nhiên, phải chịu khổ.

Sau khi đánh tan quân xâm lược, đất nước trở lại thanh bình, nhưng theo các vua thời Lý - Trần, con người vẫn còn phải chịu những nỗi khổ thường ngày

dày vò. Bởi vậy, các ông muốn cứu dân thoát khỏi những nỗi khổ thường ngày đó. Đây là một tư tưởng, ý muốn, mong muốn rất nhân văn, nhưng có thực hiện được không lại là một chuyện khác. Xuất phát từ việc muốn cứu khổ một cách triệt để đối với con người, mà cụ thể ở đây là người dân Đại Việt trong thời chiến cũng như thời bình, nhiều vị vua thời Lý - Trần, sau khi đánh tan quân xâm lược, đã nhường ngôi cho con để đi tu, tìm con đường cứu người dân khỏi nỗi khổ hàng ngày. Như vậy, nguyện vọng, mong muốn cứu khổ một cách triệt để cho dân chúng, trong lịch sử Việt Nam đã có, đặc biệt thể hiện rõ nhất ở các vua thời Lý - Trần.

Hồ Chí Minh, *một mặt*, đã kế thừa tinh hoa truyền thống muốn cứu khổ một cách triệt để cho con người thời Lý - Trần; *mặt khác*, khi nghiên cứu các cuộc cách mạng ở trong nước cũng như trên thế giới, Người cho rằng đã hy sinh làm cách mạng thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người; thế mới khỏi phải hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc. Người phân tích cách mạng Mỹ thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính làm cách mạng lần thứ hai. Theo Người, cách mạng An Nam nên nhớ rằng, ở Pháp, cách mạng đã bốn lần rồi mà nay công nông Pháp hãy còn phải mưu làm cách mạng lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Người cho rằng, trong thế giới bây giờ, chỉ có cách mạng Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng hạnh phúc, tự do,

binh đẳng thật sự, không phải tự do và binh đẳng giả dối như đế quốc Pháp khoe khoang bên An Nam. Như vậy, muốn cách mạng cho đến nơi thì về cơ bản, phải làm như cách mạng Nga, nghĩa là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng (tức cách mạng dân tộc dân chủ) để đi tới xã hội cộng sản (tức cách mạng xã hội chủ nghĩa) như trong Chính cương, Sách lược vắn tắt từ năm 1930 đã nói; tức từ cách mạng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa; cách mạng giải phóng dân tộc là bước đầu có tính chất tiên quyết, nhưng logic tiếp theo là phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa; cách mạng giải phóng dân tộc là sự mở đầu, cách mạng xã hội chủ nghĩa đi tới xã hội cộng sản là sự hoàn tất. Không có cái thứ nhất thì không thể có cái thứ hai, nhưng nếu chỉ dừng lại ở cái thứ nhất thì làm cách mạng lại không đến nơi. Muốn cho đến nơi lại phải làm tiếp bước hai, tức cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cái thứ nhất nghiêng về tiền đề không thể thiếu được, nhưng cái thứ hai mới là mục đích cuối cùng. Người cho rằng, thắng đế quốc, phong kiến còn tương đối dễ, nhưng thắng bản cùng, nghèo nàn lạc hậu còn khó hơn nhiều. Đây là cuộc chiến khó khăn nhất, sâu sắc nhất, gay go nhất, gian khổ nhất nhưng cũng vĩ đại và vẻ vang nhất. Người thường nói, đây là cuộc chiến khổng lồ chống tất cả những gì là cũ kỹ, lạc hậu.

Như vậy, một logic tất yếu đành thép là làm cuộc cách mạng thứ nhất phải tiếp đến làm cuộc cách mạng thứ hai. Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành

cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Nếu không phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì vẫn là cách mạng nửa vời, cách mạng chưa đến nơi đến chốn, bởi lẽ “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”(1). Hiện nay, một số thế lực cho rằng, cần gì phải gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa, một số nước sau khi giải phóng dân tộc, họ không tiến lên xã hội chủ nghĩa, nhưng họ có sao đâu. Nói như vậy, thật không hiểu lịch sử, không đứng trên quan điểm lịch sử - cụ thể.

Thử hỏi khi đó, nếu không gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thì liệu có giải phóng được dân tộc hay không? Ngược lại, nếu không gắn nó với cách mạng vô sản thì gắn nó với cái gì, với chủ nghĩa đế quốc chẳng? Ta bị đế quốc đô hộ, muốn giải phóng khỏi đế quốc lại gắn với đế quốc thì chỉ là ảo tưởng, điều này phần nào thấy ở hai cụ Phan, rốt cuộc đều đi đến thất bại. Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra điều đó khi phê phán Phan Chu Trinh là câu Pháp rủ lòng thương, còn Phan Bội Châu là đuôi hùm của trước rước sói của sau.

Bây giờ chỉ còn một vấn đề đặt ra nữa: hay là chúng ta tự lực, không cần ai? Điều này cũng không được, bởi lẽ đế quốc Pháp là một nước nằm trong hệ thống đế quốc, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, chúng có thể hỗ trợ, cố kết, giúp đỡ nhau để tiêu

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.56.

diệt phong trào dân tộc, nhất là phong trào dân tộc ở một nước nhỏ bé như nước ta. Đương nhiên, phương châm kháng chiến của ta vẫn là tự lực cánh sinh là chính, nhưng thử hỏi, nếu không có sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô và Trung Quốc thì liệu cách mạng Việt Nam có thuận buồm xuôi gió được hay không? Ở đây, cần phải có quan điểm lịch sử và từ đó, mới thấy được thiên tài của Hồ Chí Minh.

Trải qua trăm trở hơn 10 năm bôn ba khắp thế giới, Hồ Chí Minh đã tìm ra cái “cẩm nang” để cứu một dân tộc đang chìm ngập trong đêm tăm tối mà chưa có đường đi, đó là chủ nghĩa Lênin. Người cảm động, sung sướng, vui mừng đến phát khóc. Ngồi một mình trong phòng mà Người nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”(2). Theo Người, bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin. Việc Người phát hiện ra điều này cũng giống như orika của Acsimét. Nhưng Acsimét chỉ phát minh ra một định luật trong vật lý, còn phát hiện của Hồ Chí Minh đã cứu được cả một dân tộc. Sau này, Người cho rằng, chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, là kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu

nước mà Người tin theo Lênin. Rồi từng bước một, Người đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và những người lao động trên thế giới khỏi nô lệ. Người cho rằng, chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.

Tóm lại, với Hồ Chí Minh, chỉ có gắn giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội thì chúng ta mới làm cách mạng đến nơi đến chốn và như vậy, mới giải phóng được một cách triệt để người dân lao động, họ mới được hạnh phúc, tự do, bình đẳng và có như vậy, mới không để quyền trong tay một bọn ít người, và do đó, chúng ta không phải làm cách mạng nhiều lần.

Đường lối này xuất phát từ truyền thống phương Đông và Việt Nam; cụ thể, ở Việt Nam đã có truyền thống muốn cứu khổ cho con người một cách triệt để như các vua thời Lý - Trần mà chúng tôi đã phân tích trên; mặt khác, ở phương Đông, đặc biệt là trong Nho giáo, có quan điểm “thế giới đại đồng”, tức cả thế giới là một gia đình lớn, cùng chung một mái nhà, thế giới hoà bình, không còn ranh giới quốc gia, lãnh thổ, dân tộc nữa. Nhưng còn một cơ sở khá quan trọng mà các nhà nghiên cứu ít nói tới, đó chính là cái mà Hồ Chí Minh đã nhận ra rằng, các nước châu Á dễ tiến lên chủ nghĩa xã hội hơn các nước châu Âu. Hơn nữa, còn một cơ sở thực tế nữa là, ngay những năm 30 của thế

(2) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.127.

kỷ XX, Người đã nhìn ra xu hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội của nhiều dân tộc và xu hướng này sẽ ngày càng lớn mạnh, chi phối sự phát triển của xã hội loài người. Mặc dù hiện nay, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, nhưng vào thời đó, Người đã nhìn ra xu hướng vận động của lịch sử, nhất là sau chiến thắng phát xít Đức năm 1945.

Thực tế ở Việt Nam, sau khi một nửa nước giải phóng, việc đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng là nhu cầu của hàng chục triệu người lao động. Tại sao lại như vậy? Chủ nghĩa xã hội có những ưu điểm gì? Hồ Chí Minh đã vạch ra mô hình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên những nét chấm phá lớn tương đối cụ thể.

Trước hết, chúng ta thấy, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra phương hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người qua học thuyết về các hình thái kinh tế - xã hội mà sự phát triển của chúng là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Nếu chế độ tư bản tất yếu ra đời thay thế chế độ phong kiến thì đến lượt mình, chế độ tư bản có thể ngắn hay dài, trải qua một hay nhiều giai đoạn, đến một lúc nào đó, tất yếu sẽ bị thay thế bằng một chế độ cao hơn, cái mà hai ông gọi là chế độ cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu là chế độ xã hội chủ nghĩa. Hai ông cũng đã vạch ra những đặc trưng cơ bản của xã hội sau tư bản, như xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giải phóng con người khỏi tình trạng bị bóc lột về kinh tế, bị áp bức về chính trị, bị nô dịch về tinh thần, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, phát triển hết khả năng của mình.

Sự phát triển tất yếu lên chủ nghĩa

xã hội còn thể hiện ở chỗ, tại các nước thuộc địa khi đó, chủ nghĩa tư bản đã bóc lột hết toàn bộ những mặt xấu xa của nó: sự bóc lột đã man tàn bạo; bịt miệng, khoá mồm con người bằng súng liên thanh với lưỡi lê; người bản xứ bị đầu độc bằng rượu, thuốc phiện, tôn giáo; họ sống như nô lệ, không có bất cứ một quyền tự do nào,... Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản dựa trên sự ngu dốt, quyền con người được thay bằng quyền của kẻ mạnh. Tại sao lại như vậy? Bởi lẽ, cách mạng dân chủ tư sản chỉ là sự thay thế một hình thức áp bức, bóc lột này bằng một hình thức áp bức, bóc lột khác, còn đại bộ phận người lao động vẫn sống nghèo khổ. Chỉ có Cách mạng tháng Mười Nga mới giải phóng triệt để cho người lao động, dân cày mới có ruộng, các dân tộc nhỏ yếu mới giành được độc lập. Từ đó, Người đi đến kết luận: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, Người đã làm cho quan điểm giải phóng mang tính triệt để. Với Người, độc lập dân tộc là tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu ra những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Để trả lời câu hỏi “Chủ nghĩa xã hội là gì?”, Người cho rằng, nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là làm cho con người,

trước hết là nhân dân lao động, thoát khỏi nghèo nàn, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có công ăn, việc làm. Từ đó, Người nhấn mạnh mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Qua đây, chúng ta thấy những tiêu chí của chủ nghĩa xã hội ở Hồ Chí Minh là no ấm, hạnh phúc, thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Một xã hội mà mọi người đều được như vậy thì quả là một xã hội lý tưởng. Để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thì nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, đầu tiên là phát triển sản xuất.

Trong lần phát biểu tại Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá I, kỳ họp thứ 8, năm 1958, Người nói: "Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người ở nước ta, nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân ta"(3). Ở đây, chúng ta thấy xuất hiện một tiêu chí nữa của chủ nghĩa xã hội: xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người ở nước ta. Như vậy, theo Người, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội không có người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm không hưởng. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là xoá bỏ chế độ bóc lột, trong lao động và hưởng thụ thì công bằng, bình đẳng.

Nói chuyện trong Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng năm 1960, Hồ Chí Minh đã khẳng định: kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống vui tươi, no ấm và mỹ tục thuần phong. Như vậy, theo Người, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng một đời sống

văn hoá tốt đẹp, vui tươi; xây dựng những phong tục, tập quán tốt đẹp. Người cho rằng, mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và văn hoá của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Chủ nghĩa xã hội còn gắn liền với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật. Chỉ có trong chủ nghĩa xã hội thì mọi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách, sở trường riêng của mình.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh, là một cuộc cách mạng nhằm đánh thắng lạc hậu và bần cùng để xây dựng hạnh phúc muôn đời cho nhân dân ta, cho con cháu ta. Chủ nghĩa xã hội là làm cho đời sống nhân dân ngày càng sung sướng, ăn no, mặc ấm, được học hành, ốm đau có thuốc. Chủ nghĩa xã hội là no ấm, đoàn kết, vui khỏe,....

Qua những bài nói chuyện, phát biểu, bài viết của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội như sau:

1) Về chính trị, chủ nghĩa xã hội là chế độ do nhân dân làm chủ, Nhà nước là Nhà nước dân chủ nhân dân, từ đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, phát huy được mọi tiềm năng sáng tạo, huy động được tính tích cực của mọi người vào sự nghiệp chung.

2) Về kinh tế, chủ nghĩa xã hội là chế độ có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.156.

dân, trước hết là nhân dân lao động.

3) Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, mọi người có cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú, tạo điều kiện để con người phát triển mọi tiềm năng, khả năng của mình. Cán bộ phải có văn hoá làm gốc. Người cách mạng với người tri thức, người văn hoá hoà quyện vào nhau theo phương châm: “Độc thư bất vong cứu quốc. Cứu quốc bất vong độc thư”. Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi. Chủ nghĩa xã hội là xây dựng cho được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, cần xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa có đạo đức cách mạng và có tài.

4) Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng, hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, các dân tộc bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.

5) Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Và, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nông, đồng thời quan tâm đúng mức tới nhu cầu, lợi ích cá nhân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, thực hiện công bằng xã hội, phát triển dân trí; mặt khác, phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu; chống chủ nghĩa cá nhân, chống chia rẽ, bè phái, cơ hội, cửa quyền, mất đoàn kết, vô kỷ luật; chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập; chống giặc nội xâm.

Qua phân tích trên, chúng ta thấy

mô hình, những nét chấm phá về chủ nghĩa xã hội ở Hồ Chí Minh đã tương đối rõ nét. Đó là xã hội lý tưởng mà nhân dân ta cần xây dựng và hướng tới, xã hội này là ước mơ ngàn đời của dân tộc ta. Những anh hùng trước kia, sau khi giải phóng đất nước lại thiết lập nên một triều đại mới, còn nhân dân lao động vẫn như trước kia, họ chỉ thoát khỏi cái khổ nạn ngoại xâm, còn vẫn khổ cực, vẫn là những người bị trị, được bề trên chần dặt vì là con đỏ của vua chúa; còn sau khi đánh đuổi quân xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh, dân ta, đặc biệt là những người lao động, đã thoát khỏi kiếp bị trị, “con đỏ” và trở thành người chủ thực sự của nước nhà. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc mới có được cuộc cách mạng vĩ đại đến như vậy. Bởi vậy, có thể nói, Hồ Chí Minh là vị anh hùng vĩ đại nhất trong các anh hùng của dân tộc Việt Nam. Điều này thể hiện ở chỗ, Người đã lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc cách mạng đến nơi đến chốn, cứu khổ một cách triệt để đối với mọi người dân Việt Nam. Nếu như trước kia, việc cứu khổ một cách triệt để của các vua thời Lý - Trần chủ yếu chỉ là nguyện vọng, mong muốn, thì ở Hồ Chí Minh, đó không chỉ là mong muốn, mà đang và sẽ trở thành hiện thực. Hiện nay, xã hội ta vẫn còn mặt này mặt nọ, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, nhưng với chủ trương, đường lối đúng đắn, chúng ta đang tiến dần đến xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh như Hồ Chí Minh vẫn hằng mong đợi. □